

Học Phật

Thế nào là học Phật? Nói đến chữ học thường có hai nghĩa là học tập và học lý. Học tập là sự bắt chước luyện tập như trẻ con học nói, học viết, học đi. Học lý là nghiên cứu một học thuyết, học lý như khoa học, triết học, tôn giáo học đều gọi là học lý. Ở đây nói học Phật là nghiên cứu về giáo lý tinh mật của Phật. Trong việc nghiên cứu giáo lý Phật cũng có hai danh từ **học Phật** và **Phật học**. Học Phật là người tu hành thật tiến và Phật học là giảng kinh để tìm ra học lý một cách chính xác sáng tỏ. Thật ra học Phật hay Phật học không phải là hai. Phạm người học Phật trước tiên phải hiểu rõ chân lý của Phật học rồi sau mới quán triệt để thật hành. Nếu muốn thực hành học Phật trước phải nghiên cứu Phật lý thật rõ ràng, có Phật lý mới tiến đến chỗ thật chứng. Như y vào kinh điển của Phật dạy có thể được chỗ lý giải, nhưng chỗ cầu của lý giải là cảnh giới thật chứng của Phật trí.



Nếu hành giả cứ chuyên nghiên cứu thời trên thực tế chưa được chứng đắc. Vì thế, giảng về học Phật cần phải thật chứng, muốn thật chứng cần phải nghiên cứu Phật học.

Phật giáo có điều gì cần nên học? Thông thường kinh sách Phật gọi là Phật Pháp. Có người nói Phật Pháp là triết học, Phật Pháp là tôn giáo. Có người nói Phật Pháp không phải là triết học, cũng không phải là tôn giáo, chỉ nên gọi là Phật Pháp. Nay đem Phật Pháp phân làm bốn thứ để nghiên cứu:

Thế nào là giáo? Giáo pháp của Đức Phật nói ra khi hiện thân trong đời. Giáo pháp ấy còn lưu lại ở đời sau giáo hóa hữu tình. Trong lúc Đức Phật trụ thế Ngài chỉ nói mà chưa lưu lại văn tự, nên không có ghi chép thành sách. Người nghe chỉ y theo lời Phật dạy mà tu chứng, đến khi Phật thuyết pháp độ người đã hoàn tất. Sau khi Phật diệt độ, Chư Đại Đệ tử sợ sau này không có chỗ y cứ, tôn dùng, nên đem giáo pháp của Phật mà các chúng được nghe, những người đa văn truyền tụng lại, do đó, đại chúng kiết tập chép thành kinh điển. Đây là điều di giáo của Phật để lại.

Chỗ di giáo này đối với học lý và học thuyết thông thường chẳng đồng, vì học thuyết thông thường là, y cứ vào chỗ nửa sáng, nửa tối của thường thức suy cứu mà thành. Có thể nói là đem cái đã biết suy gẫm cái chưa biết, như phương pháp khoa học. Khi ở trong chỗ suy cứu được một lần kinh nghiệm là tăng thêm một tầng tri thức; Lúc xưa với trời tròn đất vuông, lần lần sau đó mới biết hình cầu, nên lời nói không xác định, nghĩa cũng theo đó mà biến động. Giáo pháp của Phật cùng các học thuyết khác chẳng đồng, vì giáo pháp này thuần do từ trong Thánh Trí mà phá ra. Cho nên giáo pháp không thể không dùng năng lực của niềm tin, điểm này khác với chữ tin trong tôn giáo. Phật Pháp không phải là tôn giáo mà cũng là tôn giáo, nên muốn giảng về Phật Pháp trước cần phải tin có Phật.

Phật là tiếng đơn giản của chữ Phật Đà, có nghĩa là người giác ngộ. Người giác ngộ là chỉ cho Bậc đã được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Trong cõi này người đã được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác có Phật Thích Ca Mâu Ni hiện thân nơi thế gian nói pháp độ người, nhân đó mà có giáo pháp truyền lại cho người đời. Nhưng giáo pháp này không đồng với các tôn giáo khác là chúng ta có thể thật hành, thật chứng đến quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì chúng ta cũng được thành Phật, nên chúng ta đối với Phật hoàn toàn bình đẳng. Chỉ có ở lúc trước khi chưa thành Phật, muốn được thành Phật không thể không tin nhận giáo pháp Phật. Tuy vậy, tin theo Phật Pháp không phải là cái tin

mù quáng, vì chúng ta nếu tin có chơn lý của các pháp trong pháp giới, thì giác ngộ chơn lý này đến chỗ viên mãn gọi là Vô Thượng Chánh Giác. Phật ở trong chỗ Vô Thượng Chánh Giác không có một sát na nào mà không hoàn toàn sáng suốt cả trên dưới trong ngoài, không phải như các môn học trước nhớ biết một rồi sau lại nhớ biết thêm nữa. Người học Phật đã giác ngộ đến được viên mãn thì không còn cần đến học thuyết, học lý và học tập học làm nữa, nên gọi là Bậc Vô học. Nhưng Phật chứng nhập cảnh giới cứu kính giác ngộ thì rộng lớn như hư không, như Đại viên cảnh không có thể chỗ nào mà không chiếu hết. Nhưng tất cả chúng sanh chưa chứng nhập được chơn thật tướng của pháp giới vạn hữu nên mê muội điên đảo sanh ra rất nhiều phiền não thống khổ; Đức Phật từ bi nên nói ra giáo pháp làm cho họ học tập lần lần được giác ngộ.

Giáo pháp của Phật luôn luôn phù hợp với hai phương diện: 1- Phù hợp với chơn lý: Đức Phật trong một niệm phổ chiếu chơn lý của pháp giới vạn hữu, mỗi giờ đều sống với chơn lý, không có một chút ít sai sót, nên lời nói ra các pháp đều phù hợp với chơn lý. 2- Phù hợp với căn cơ: Người nghe Pháp dù là căn cơ nào cũng đều được thấm nhuần. Như một trận mưa to, gốc lớn gốc nhỏ đều thấm nhuần. Khế lý và khế cơ này mới nhìn giống như xung đột lẫn nhau, vì tâm trí chúng sanh không bằng Phật, nhưng Đức Phật tùy thuận theo chúng sanh, đem giáo pháp áp dụng vào đời sống, tùy theo mỗi căn cơ mà nói pháp, dùng quyền xảo giáo hóa, lần lượt làm, mọi người thông đạt đến cảnh giới Phật, và vào tri kiến Phật. Đây là giáo pháp hướng dẫn người thăng vào Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Giáo pháp này lập ra vì liên hệ với căn cơ chúng sanh mà có, Phật đối với Phật thì không dùng pháp này. Giáo pháp này nếu y theo pháp tướng duy thức thì có hai phương diện: 1- Những ngôn ngữ vô lậu thanh tịnh từ trong tâm Phật Vô Thượng Chánh Giác mà lưu xuất, giáo pháp này do cơ cảm chúng sanh mà có gọi là Bản Chất Giáo. 2- Những ngôn ngữ từ trong tâm Phật lưu xuất, chúng ta không thể duyên thẳng trực tiếp, nó chỉ có thể dùng tâm hữu lậu y theo đó mà tăng thượng duyên, rồi từ trong tâm sanh ra một thứ ảnh tượng gọi là Ảnh Tượng Giáo. Đem ảnh tượng giáo này trở về với bản chất giáo thì trong Phật giáo gọi là Thánh giáo hay Trí giáo. Giáo pháp này là thường pháp dù trải qua nghìn muôn năm cũng không thay đổi, dù biển cạn núi dời cũng không làm thiên lệch được. Có thể nói không học mà học.

Sở dĩ nói là học Phật là nhắm vào ảnh tượng giáo, quan hệ giáo này là lấy lời Phật dạy làm tăng thượng duyên, người nghe pháp đối với giáo pháp được nghe, suy nghĩ

quán sát từ đó được thông hiểu liền thành giáo lý Phật giáo. Phạm nói là kinh đều từ lời Phật nói ra người sau y theo lời dạy luận nghị rõ ràng, hiểu chỗ bí yếu ghi lại thành luận. Luận là học lý rất tinh mật chính xác, như Đại Tỳ Bà Sa Luận, Du Già Sư Địa Luận... Nếu suy xét về cội gốc thì giáo pháp đều từ Phật để lại, nên ngày nguồn gốc do bậc được Vô Thượng Chánh Giác mà lưu xuất. Vì thế, chúng ta muốn biết được chân lý của Phật giáo, cũng cần phải chứng đắc được Vô Thượng Chánh Giác. Làm thế nào để chứng đắc? Cần phải giảng giải tìm ra phương pháp tu hành. Tìm ra phương pháp tu hành phải học ba điều tăng thượng là giới, định và huệ. Phải hiểu thế nào là trì giới, thế nào tu thiền định, thế nào được Đại trí tuệ. Học ba thứ tăng thượng này thì có thể được Vô Thượng Chánh Giác, là quả đại giác ngộ, chứng biết được thật tướng của các pháp. Người được chứng thật tướng rồi có thể đem chỗ ngộ của mình để giác ngộ cho người khác.

Tuy có chia ra giáo, lý, hành, quả sai khác nhưng không hoàn toàn cách biệt như nhờ tư duy quán sát mà thực hành, nhờ thực hành mà giáo lý sáng tỏ, lý, giải và hành đồng thời hoạt động, như người đi trên đường mắt và chân đồng thời phát sanh công dụng. Tuy vậy người ít hiểu lý giải chưa được quả vị cứu kính, tuy cũng có kết quả, nhưng kết quả chưa đủ. Vì vậy muốn đạt được quả Vô Thượng Chánh Giác, chúng ta phải thường tụng học giáo lý cao thâm của Phật dạy. Người thế gian tư tưởng và tri thức của họ đều không ngoài ngã chấp và pháp chấp. Cho nên các thứ học lý thế gian không ngoài vọng tình suy đoán, không thể gọi là chân lý cứu kính. Muốn tìm chân lý không thể không y cứ giáo pháp của Phật, do đó, từ xưa đến nay, khi nghiên cứu vào học lý đều lấy giáo pháp của Phật làm chỗ y cứ. Như thế, Học lý của Phật một phần dành cho các bậc hữu học Thánh quả tam thừa, một phần y theo Thánh giáo tự chứng mà thành, một phần y theo thánh giáo văn tự mà thành. Học như thế gọi là học Phật.

Phật học không ngoài học lý và học sử. Trân trọng kính mời độc giả tiếp tục đọc học lý ở kỳ sau.

(còn tiếp)

Thái Thông

